

ĐẠI NHẬT KINH CHÂN NGÔN

Soạn dịch: HUYỀN THANH

1 QUYÊN 1:

_Hương Thủy Chân Ngôn

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ APRATISĀME _ GAGANA
SAME_ SAMANTA ANUGATA PRAKṚTI VIŚUDDHE_ DHARMA-DHĀTU
VIŚODHANA_ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

APRATISĀME: không có gì ngang bằng, không có gì so sánh được

GAGANA-SAME: như ngang bằng hư không

SAMANTA ANUGATA: thuận đến khắp cả

PRAKṚTI VIŚUDDHE: như Bản Tính thanh tịnh

DHARMA-DHĀTU VIŚODHANA: Tĩnh trừ Pháp Giới

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_Trì Địa Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SARVA TATHĀGATA
ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE _ ACALE VIMALE SMARAṆE _ PRAKṚTI
PARIŚUDDHE_ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

SARVA-TATHĀGATA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE: như Thần Lực của tất cả

Như Lai gia trì

ACALE: chẳng lay động, bất động

VIMALE: lia sự dơ bẩn, không có dơ bẩn

SMARAṆE: nhớ niệm trì

PRAKṚTI PARIŚUDDHE: như Bản Tính thanh tịnh

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

2 QUYÊN 2:

_Trì Hương Thủy Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AGNAYE_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

AGNAYE: như hàng Hỏa Thiên

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_Lược Phụng Trì Hộ Ma (Chân Ngôn Tịch Tai):

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ_ MAHĀ-ŚĀNTI GATA_
ŚĀNTI KĀRA_ PRAŚAMA DHARMA NIRJĀTA_ ABHĀVA SVABHĀVA
DHARMA SAMANTA PRĀPTA_ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

AḤ: chủng tử biểu thị cho sự chứng đắc

MAHĀ-ŚĀNTI-GATA: lối nẻo vắng lặng rộng lớn

ŚĀNTI KĀRA: tạo làm sự vắng lặng

PRAŚAMA-DHARMA NIRJĀTA: sinh ra Pháp yên tĩnh

ABHĀVA SVABHĀVA DHARMA SAMANTA PRĀPTA: đắc được khắp
cả Pháp Tự Tính vô hữu
SVĀHĀ: quyết định thành tựu

Đại Lục Đại Hộ Minh Phi:
**NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ SARVA-BHAYA
VIGATEBHYAḤ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ SARVATHĀ HAM KHAM
RAKṢA MAHĀ-BALE SARVA TATHĀGATA-PUṆYA NIRJĀTE HŪM
HŪM TRĀṬ TRĀṬ APRATIHAṬE SVĀHĀ**

NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ: Quy mệnh tất cả Như Lai Đẳng
SARVA-BHAYA VIGATEBHYAḤ: Xa lìa tất cả sự đáng sợ
VIŚVA-MUKHEBHYAḤ: mọi loại Môn khéo léo màu nhiệm
SARVATHĀ: khắp tất cả
HAM: chủng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề
KHAM: chủng tử của Đại Không biểu thị cho Bát Nhã Phật Mẫu, tức Minh Phi
RAKṢA MAHĀ-BALE: như Đại Lục ủng hộ
SARVA-TATHĀGATA-PUṆYA NIRJĀTE: sinh ra Phước Đức của tất cả Như
Lai

HŪM HŪM TRĀṬ TRĀṬ: quát mắng nhiếp phục khủng bố phá hoại hai
chương bên trong bên ngoài
APRATIHAṬE: sức không thể so sánh, không có gì đối được, không có sự
chướng ngại
SVĀHĀ: Quyết định thành tựu

Nhập Phật Tam Muội Gia Chân Ngôn:
**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ASAME TRISAME SAMAYE
SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
ASAME TRISAME SAMAYE: Vô Đẳng Tam Bình Đẳng Tam Muội Gia, Bản
Thệ của 3 sự bình đẳng không có gì ngang bằng
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Pháp Giới Sinh Chân Ngôn:
**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DHARMA-DHĀTU
SVABHĀVAKA-UHAM**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
DHARMA-DHĀTU SVABHĀVAKA-UHAM: Ta cũng là Tự Tính của Pháp
Giới

Kim Cương Tát Đỏa Gia Trì Chân ngôn:
NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM VAJRĀTMAKA-UHAM
NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương
VAJRĀTMAKA-UHAM: Ta cũng là thân Kim Cương

Kim Cương Khải Chân ngôn:
NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM VAJRA-KAVACA HŪM
NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương
VAJRA-KAVACA: Kim Cương Khải, áo giáp Kim Cương
HŪM: Khủng bố các chướng, bảo vệ tất cả

_Nhu Lai Nhân Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TATHĀGATA-CAKṢUR-VYĀVALOKAYA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

TATHĀGATA-CAKṢUR-VYĀVALOKAYA: dùng con mắt của Như Lai quán chiếu các Pháp rốt ráo

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Đồ Hương Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VIŚUDDHA-GANDHA UDBHAVA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

VIŚUDDHA-GANDHA UDBHAVA: phát sinh hương xoa bôi thanh tịnh

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Hoa Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-MAITRIYA ABHYUDGATE SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

MAHĀ-MAITRIYA ABHYUDGATE: sinh ra Đại Từ

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Thiên Hương Chân Ngôn;

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DHARMA-DHĀTU ANUGATE SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

DHARMA-DHĀTU ANUGATE: thuận đến khắp Pháp Giới

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Âm Thực Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ARARA KARARA BALIṀ DADA MI BALIṀ DADE MAHĀ-BALIṀ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

ARARA: tiếng chảnh lành, tiếng chảnh thích nghe

KARARA: dùng tiếng cao giọng chảnh lành, tức là yên lặng điềm nhiên

(Arara karara: biểu thị cho sự dùng Pháp vui **Thiền Duyệt** làm thức ăn)

BALIṀ DADA MI: tôi dâng thí các món ăn

BALIṀ DADE MAHĀ-BALIṀ: đã nhận món ăn rồi thì trở lại ban cho tôi món ăn màu nhiệm

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Đăng Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TATHĀGATA-ARCI SPHARAṆA AVABHĀSANA GAGANA-UDĀRYA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

TATHĀGATA-ARCI: Ánh lửa sáng của Như Lai

SPHARAṆA AVABHĀSANA: tràn đầy khắp nơi tăm tối

GAGANA-UDĀRYA: không có hạn lượng như hư không

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Át Già Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GAGANA-SAMĀSAMA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

GAGANA-SAMĀSAMA: ngang bằng với hư không, không có gì chẳng ngang bằng

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_N hư Lai Đỉnh Tướng Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GAGANA ANANTA SPHARAṆA VISUDDHA-DHARMA NIRJĀTE SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

GAGANA ANANTA SPHARAṆA: hư không vô lượng tràn khắp tất cả

VISUDDHA-DHARMA NIRJĀTE: sinh ra Pháp thanh tịnh

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_N hư Lai Giáp Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VAJRA-JVĀLA VISPHURA HŪM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

VAJRA-JVĀLA VISPHURA: ánh sáng Kim Cương chiếu tràn khắp cả, trừ khử ám chướng sinh tử... biểu thị cho áo giáp của Như Lai

HŪM: thành tựu 3 Môn giải thoát **Không, Vô Tướng, Vô Tác**

_N hư Lai Viên Quang Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM JVĀLA-MĀLINI TATHĀGATA-ARCI SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

JVĀLA-MĀLINI: vòng ánh lửa sáng

TATHĀGATA-ARCI: lửa sáng của Như Lai

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_N hư Lai Thiệt Tướng Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ MAHĀ TATHĀGATA-JIHVA SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

MAHĀ-MAHĀ TATHĀGATA-JIHVA: cái lưỡi của Như Lai rộng lớn không có gì rộng lớn hơn

SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA: thành tựu Pháp **Thật Tế**

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_Phổ Hiền Bồ Tát Vô Ngại Lực Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SAMANTA ANUGATA VIRAJA DHARMA NIRJĀTA MAHĀ MAHĀ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

SAMANTA ANUGATA: thuận đến khắp cả

VIRAJA-DHARMA NIRJĀTA: sinh ra Pháp xa lìa bụi dơ

MAHĀ-MAHĀ SVĀHĀ: thành tựu Nhân to lớn ở trong Quả to lớn

Di Lạc Bồ Tát Tụ Tâm Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AJITAM JAYE SARVA-SATVA
ĀŚĀYA-ANUGATA SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
AJITAM JAYE: Ở trong Vô Thắng được thắng
SARVA-SATVA ĀŚĀYA-ANUGATA: thuận theo tâm tính của tất cả hữu tình,
tức hiểu rõ các căn tính ham muốn của chúng sinh
SVĀHĀ: giúp cho thành tựu tốt lành

Hư Không Tạng Bồ Tát Tụ Tâm Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ĀKĀŚA SAMANTA-ANUGATA
VICITRĀM VARA DHARA SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
ĀKĀŚA SAMANTA-ANUGATA: Tâm thuận theo tất cả đồng với hư không,
biểu thị cho Tâm Bồ Đề thanh tịnh thi hành vạn hạnh như đi trong hư không
VICITRĀM VARA DHARA: mặc cái áo đủ màu, biểu thị cho Pháp Thân có đủ
sắc tướng trang nghiêm
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Trừ Cái Chướng Bồ Tát Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AḤ SATVA HĪTA
ABHYUDGATA TRAM TRAM RAM RAM SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
AḤ: chúng tử biểu thị cho dứt trừ các chướng ngại
SATVA HĪTA ABHYUDGATA: phát sinh Công Đức vạn hạnh làm lợi ích cho
chúng sinh
TRAM TRAM: chúng tử biểu thị cho tự tính thanh tịnh không có bụi dơ của ta và
người
RAM RAM: chúng tử biểu thị cho trong ngoài không có sự dơ bẩn
SVĀHĀ: quyết định thành tựu

Quán Tụ Tại Bồ Tát Tụ Tâm Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVA TATHĀGATA
AVALOKITA KĀRUṆA-MAYA RA RA RA, HŪM JAḤ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
SARVA-TATHĀGATA AVALOKITA: tất cả Như Lai quán chiếu
KĀRUṆA-MAYA: dùng Tâm Bi làm Thể
RA RA RA: xa lìa bụi dơ của 3 Độc được 3 tướng: vô tham, vô sân, vô si...
khéo sinh ra 3 Môn Giải Thoát
HŪM JAḤ: sinh ra sức đại uy mãnh tụ tại để khùng bố 3 lớp chướng, khởi dậy sự
thanh tịnh mà đồng với con mắt của Phật
SVĀHĀ: quyết định thành tựu

Đắc Đại Thế Bồ Tát Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM JAM JAM SAḤ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
JAM JAM: chúng tử biểu thị cho sự thực chứng được sự sinh khởi của 2 chương
là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng

SAḤ: chúng tử biểu thị cho Thể của Chân Ngôn, có nghĩa là bất động, chận đứng được sự sinh khởi của 2 loại Chướng bên trên

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

Đa La Tôn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KĀRUṆA-UDBHAVE TĀRE TĀRIṆI_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

KĀRUṆA-UDBHAVE: từ trong Tâm Bi mà sinh ra

TĀRE: con mắt trong sạch không có bụi dơ, thấy biết như thật

TĀRIṆI: cực độ nghĩa là tự được độ rồi lại hay độ khắp tất cả chúng sinh

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

Đại Tỳ Câu Chi Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SARVA BHAYA TRĀSANI HŪM SPHAṬYA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

SARVA-BHAYA: tất cả sự đáng sợ

TRĀSANI: 3 loại đáng sợ (thể gian, đường hiểm sinh tử, sự ngã mạn)

HŪM SPHAṬYA: khủng bố tàn phá các loại đáng sợ bên trên

SVĀHĀ: giúp cho thành tựu tốt lành

Bạch Xứ Tôn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVE PADMA-MĀLINI_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

TATHĀGATA-VIṢAYA: cảnh giới của Như Lai, biểu thị cho Bản Tâm Bồ Đề thanh tịnh

SAMBHAVE PADMA-MĀLINI: sinh ra vòng hoa sen thanh tịnh không nhiễm bụi dơ

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Mã Đầu Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM KHADAYA BHAṆJA SPHAṬYA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

HŪM: chúng tử biểu thị cho sự khủng bố các chướng

KHADAYA: ăn nuốt

BHAṆJA: phá hoại

SPHAṬYA: phá cho tan hết

[**Khadaya bhaṆja sphaṭya** nghĩa là ăn nuốt 3 thứ bụi dơ (tham sân si), phá tan hết 3 chướng (nghiệp chướng, phiền não chướng, sở tri chướng)]

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

Địa Tạng Bồ Tát Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HA HA HA SUTANU_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

HA HA HA: Nhân của 3 Thừa (Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa) đều sinh ra từ đất Kim Cương (tức Tâm Bồ Đề bền chắc)

SUTANU: Thiện Tử (người con hiền thiện), sự nhỏ nhiệm phi thường, biểu thị cho thân diệu sắc hay tự thân cực tinh tức chủng tính chân chính có thể nổi nghiệp Đại Bi của Như Lai

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_ Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử Tự Tâm Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE HE KUMĀRAKA_ VIMUKTI
PATHA STHITA_ SMARA SMARA PRATIJÑĀM_ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

HE HE: lia 2 Nhân, vượt cảnh giới của Nhị Thừa

KUMĀRAKA: Đồng Tử, biểu thị cho sự Vô Nhiễm phá bại 4 Ma (Uẩn Ma, Phiền Nảo Ma, Tử Ma, Thiên Tử Ma)

VIMUKTI PATHA STHITA: Trụ ở con đường giải thoát

SMARA SMARA: luôn luôn ghi nhớ

PRATIJÑĀM: Nguyện đã lập trước kia

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Kim Cương Thủ Tự Tâm Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA_ HŪM

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương

CAṆḌA: bạo ác

MAHĀ-ROṢAṆA: Đại bạo nộ

HŪM: khủng bố

(Caṇḍa mahā-roṣaṇa Hūm: nghĩa là khủng bố chúng sinh khiến cho lia sinh tử được 3 Môn giải thoát)

_ Mang Mãng Kê Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ TRIṬA TRIṬA_ JAYANTI_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương

TRIṬA TRIṬA: phá hoại, cực hoại

JAYANTI: chiến thắng

SVĀHĀ

_ Kim Cương Tỏa Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ HŪM BANDHA BANDHAYA
MOṬA MOṬAYA VAJRA-UDHAVE_ SARVATRĀ APRATIHITE_
SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương

HŪM: khủng bố các chướng

BANDHA BANDHAYA: cột trói 2 loại Phiền Nảo chướng và Sở Tri Chướng

MOṬA MOṬAYA: bền chắc ràng cột 2 loại Chướng

VAJRA-UDHAVE: Như Kim Cương sinh ra

SARVATRĀ APRATIHITE: tất cả nơi chốn chẳng có thể gây tổn hoại được

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_ Kim Cương Nguyệt Yểm Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ HRĪM HŪM PHAṬ_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương

HRĪM: chúng tử biểu thị cho sự nhiếp triệu, thỉnh triệu chúng sinh đang ở trong cảnh giới của 4 Ma

HŪM PHAT: Khủng bố phá bại 4 Ma

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Kim Cương Châm Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ SARVA-DHARMA NIRVEDHANI VAJRA-SŪCI VARADE_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương

SARVA-DHARMA: tất cả Pháp

NIRVEDHANI: xuyên qua

VAJRA-SŪCI VARADE: Thắng Nguyên của Kim Cương Châm

(Sarva-dharma nirvedhani vajra-sūci varade: Thắng nguyên của Kim Cương Châm xuyên qua tất cả Pháp. Đây là dụng của Tâm Bồ Đề)

SVĀHĀ: thành tựu tốt là

_Nhất Thiết Trì Kim Cương Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ HŪM HŪM HŪM_ PHAT PHAT PHAT_ JAM JAM_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương

HŪM HŪM HŪM_ PHAT PHAT PHAT: khủng bố phá bại 3 loại chướng là: Phiền Não Chướng, Nghiệp Chướng và Di Thục Chướng

JAM JAM: dứt trừ 2 loại sinh tử (Phân Đoạn Sinh Tử và Biến Dịch Sinh Tử) sinh ra 2 thứ Đại Không (Ngã Không và Pháp Không)

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_Chư Phụng Giáo Giả Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ HE HE_ KIMCIRĀYASI GRḤṆA GRḤṆA_ KHĀDA KHĀDA_ PARIPŪRAYA_ SARVA KIMKARĀṆAM_ SVĀPRATIVIJÑĀM_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương

HE HE: hô triệu

KIMCIRĀYASI: sao chổi mau lên

GRḤṆA GRḤṆA: nắm giữ, tức là dùng sức Kim Cương Tụ Tại nắm chặt chúng sinh không cho họ phóng dật, trở lại gây chướng ngại

KHĀDA KHĀDA: ăn nuốt, tức ăn nuốt cho hết 2 lớp Hữu Vi, Vô Vi; 3 Chướng, 4 Ma

PARIPŪRAYA: thấy đều đầy đủ

SARVA KIMKARĀṆAM: tất cả các Phụng Giáo

SVĀ-PRATIVIJÑĀM: Lời nguyện vốn đã được lập

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Thích Ca Mâu Ni Phật Tụ Tâm Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SARVA KLEŚA NIRSUDANA_ SARVA DHARMA-VAŚITAḤ PRĀPTA_ GAGANA SAMA ASAMA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

SARVA KLEŚA NIRSUDANA: Tội phá nhiếp phục tất cả phiền não

SARVA DHARMA VAŚITAḤ PRĀPTA: Tất cả Pháp được Tụ Tại

GAGANA SAMA ASAMA _ SVĀHĀ: Quyết định thành tựu Đẳng Vô Đẳng như hư không

_Hào Tướng Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VARADE VARA-PRĀPTA HŪM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

VARADE: Dữ Nguyện, ban cho nguyện

VARA PRĀPTA: được Nguyện

HŪM: thành tựu cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân

_Nhất Thiết Phật Đỉnh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAM VAM VAM_ HŪM HŪM PHAT_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

VAM VAM VAM: biểu thị cho 3 Phật Đỉnh cột buộc Sở Tri Phiền Não như hư không

HŪM HŪM PHAT: khủng bố phá bại 3 Nhân, được 3 Không, chứng 3 Tam Muội

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_Vô Năng Thắng Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DHRIM DHRIM_ RIM RIM_ JRIM JRIM_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

DHRIM DHRIM: Chúng tử biểu thị cho sự thiêu đốt trừ phục cấu chướng trong Pháp Giới

RIM RIM: chúng tử biểu thị cho sự thấy biết thanh tịnh

JRIM JRIM: chúng tử biểu thị cho sự diệt trừ tất cả lỗi lầm lo ngại phát sinh tất cả Công Đức

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_Vô Năng Thắng Phi Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ APARĀJITE JAYAMTI TĀDITE_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

APARĀJITE: Vô Năng Thắng

JAYAMTI: Hay giáng phục

TĀDITE: Thắng cảnh tội phục

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Địa Thần Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PRTHIVĪYE_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

PRTHIVĪYE: Địa Thần

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Tỳ Nữ Thiên Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VIṢṆAVI_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

VIṢṆAVI: Tỳ Nữ Thiên
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Lỗ Nại La Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RUDRĀYA_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
RUDRĀYA: Bạo Phong Vũ Thần, Bạo ác Thần
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Phong Thần Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VĀYAVE_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
VĀYAVE: Phong Thiên
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Mỹ Âm Thiên Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SARASVATYAI_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
SARASVATYAI: Biện Tài Nữ Thiên
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Ni Lý Đê Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RĀKṢASA-ADHIPATAYE_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
RĀKṢASA-ADHIPATAYE: La Sát Chủ
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Diêm Ma Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAIVASVATĀYA_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
VAIVASVATĀYA: Diêm Ma Thiên
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Tử Vương Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MR̥TYAVE_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
MR̥TYAVE: Tử Vương
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Hắc Dạ Thần Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KĀLA-RĀTRĪYE_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
KĀLA-RĀTRĪYE: Hắc Dạ Thần
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Thất Mẫu Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MĀTR-BHYAḤ_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

MĀTR-BHYAH: nhóm Âm Mẫu
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Thích Đề Hoàn Nhân Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ŚAKRĀYA SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
ŚAKRĀYA: Thiên Đế Thích
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Phộc Lô Noa Long Vương Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM APĀMPATAYE SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
APĀMPATAYE: Thủy Chủ
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Phạm Thiên Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM PRAJĀPATAYE SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
PRAJĀPATAYE: Chủ của Sinh Vật, tức Phạm Thiên
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhật Thiên Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ĀDITYĀYA SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
ĀDITYĀYA: Nhật Thiên
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nguyệt Thiên Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM CANDRĀYA SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
CANDRĀYA: Nguyệt Thiên
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Chư Long Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MEGHĀŚANĪYE SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
MEGHĀŚANĪYE: hàng tạo ra sấm chớp trong mây
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nan Đà Bạt Nan Đà Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM NANDA UPANANDAYA SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
NANDA: Hoan Hỷ Long Vương
UPANANDAYA: Tiểu Hỷ Long Vương
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Tự Giáo Tích Bất Không Thành Tựu Nhất Thiết Phật Bồ Tát Mẫu Hư Không
Nhãn Minh Phi Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA VARA LAKṢAṆE_ GAGANA SAMAYE_ SARVATA UDGATA ABHISĀRA SAMBHAVE JVALA_ NAMO AMOGHĀNĀM_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
GAGANA VARA LAKṢAṆE: Tướng Thắng Nguyên của hư không
GAGANA-SAMAYE: Bản thể ngang bằng với hư không
SARVATA UDGATA: sinh ra tất cả nơi chốn
ABHISĀRA SAMBHAVE JVALA: Uy quang sinh ra từ sự kiên cố chẳng thể hoại
NAMO AMOGHĀNĀM: Quy mệnh các đấng **Bất Không**
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Đại Tội Chướng Thánh Giả Bất Động Chủ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA_ SPHAṬYA HŪM TRAT_ HĀM MĀM

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương
CAṆḌA: bạo ác
MAHĀ-ROṢAṆA: Đại bạo nộ
SPHAṬYA: phá hoại
HŪM: khủng bố
TRAT: tàn hại phá chướng
HĀM: chúng tử biểu thị cho sức tự tại, tự tại cầm sợi dây **Tứ Nhiếp**
MĀM: chúng tử biểu thị cho sự **Vô Ngã**, Nguyên của sức mạnh, cây kiếm Trì Tuệ cắt đứt phiền não

_Giáng Tam Thế Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ HA HA HA VISMAYE_ SARVA TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA_ TRAILOKYA-VIJAYA_ HŪM JAḤ_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương
HA HA HA: tiếng cười Đại Hỷ của tất cả Như Lai
VISMAYE: Lạ kỳ thay
SARVA-TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA TRAILOKYA-VIJAYA: Tất cả cảnh giới của Như Lai sinh ra Giáng Tam Thế
HŪM: Tiếng âm của bậc Điều Ngự Đại Uy Mãnh
JAḤ: hô triệu, cảnh giác
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Chư Thanh Văn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HETU-PRATYAYA VIGATA_ KARMA NIRJĀTA HŪM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
HETU-PRATYAYA VIGATA KARMA: Nhân Duyên xa lìa Nghiệp
NIRJĀTA HŪM: sinh ra 3 Giải Thoát

_Chư Duyên Giác Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VAḤ_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
VAḤ: Chặt đứt đường ngôn ngữ

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhất Thiết Phật Bồ Tát Tâm Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AM SARVA-BUDDHĀ
BODHISATVA-HRDAYAM NYĀVEŚANI NAMAḤ SARVA-VIDE SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

AM: Chúng ngộ Bồ Đề

SARVA BUDDHĀ BODHISATVA HRDAYAM NYĀVEŚANI: Nhiếp vào
Tâm của tất cả Phật Bồ Tát

NAMAḤ SARVA-VIDE: Quy mệnh tất cả bậc hiểu biết thấu tỏ

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Phổ Thế Minh Phi Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM LOKA ALOKĀ KARĀYA
SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GĀNDHARVA ASURA GARUḌA
KIMNARA MAHORAGĀDI HRDAYA ANYA AKARṢĀYA VICITRA-
GATI SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

LOKA ALOKĀ KARĀYA: Mọi hành nghiệp của Thế Gian và Xuất Thế Gian

SARVA DEVA NĀGA YAKṢA GĀNDHARVA ASURA GARUḌA
KIMNARA MAHORAGĀDI HRDAYA: Tâm xưa nay của tất cả Trời, Rồng, Dạ
Xoa, Tầm Hương Thần, Phi Thiên, Kim Sí Diệu, Nghi Thần, Đại Phúc Hành Thần

ANYA AKARṢĀYA: thỉnh triệu khác nhau

VICITRA-GATI: mọi loại thú hưởng, mọi loại thân mà chúng sinh vui thấy

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhất Thiết Chư Phật Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVATHĀ VIMATI
VIKIRANA DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAM SAM HĀ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

SARVATHĀ VIMATI VIKIRANA: Trừ bỏ khắp tất cả loại điên đảo ngu si

DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA: theo Pháp Giới sinh ra

SAM SAM: chúng tử biểu thị cho Tâm hoa sen là Tri Kiến như thật khiến cho Tự
Giác Giác Tha

HĀ: chúng tử biểu thị cho sức tự tại của Như Lai

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_Bất Khả Việt Thủ Hộ Môn Giả Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DURDHARṢA MAHĀ-ROṢAṆA
KHĀDAYA SARVA TATHĀGATĀJÑAM KURŪ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

DURDHARṢA: khó nắm giữ, khó giáng phục, chẳng thể vượt qua

MAHĀ-ROṢAṆA: Đại bạo nộ

KHĀDAYA: ăn nuốt mọi chương ngại

SARVA-TATHĀGATĀJÑAM KURŪ: làm theo Giáo Sắc của tất cả Như Lai

SVĀHĀ” thành tựu tốt lành

_Tương Hưởng Thủ Hộ Môn Giả Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ABHIMUKHA HE MAHĀ-
PRACANDA ABHIMUKHĀ GRHṆA KHĀDAYA KIMCIRĀYASI
SAMAYAM ANUSMARA SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
ABHIMUKHA: đối mặt nhau, cùng hướng vào nhau. **Tương Hưởng Thủ Hộ Môn** là tên của vị tôn phụng Giáo Pháp của Phật

HE: hô triệu

MAHĀ-PRACANDA: Đại Cực phần nộ bạo ác

ABHIMUKHĀ: chuyên niệm chẳng buông bỏ

GRHṆA KHĀDAYA: nhiếp lấy và ăn nuốt 2 loại tướng **tụ họp** và **hoại diệt** của sinh tử

KIMCIRĀYASI: sao chẳng mau lên

SAMAYAM ANUSMARA: nhớ niệm Tam Muội Gia

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Kết Đại Giới Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVATRA ANUGATE
BANDHAYA SĪMĀM MAHĀ-SAMAYA NIRJĀTE SMARAṆA
APRATIHATE DHAKA DHAKA CALA CALA BANDHA BANDHA
DAŚAR-DIŚAM SARVA TATHĀGATA ANUJÑATE PRAVARA
DHARMA LADDHA VIJAYE BHAGAVATI VIKURŪ VIKULE LELLU
PURI SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

SARVATRA ANUGATE: Tùy theo tất cả nơi chốn

BANDHAYA SĪMĀM: kết Giới

MAHĀ-SAMAYA NIRJĀTE: Đại Tam Muội Gia sinh

SMARAṆA APRATIHATE: nhớ niệm không có thể hoại được

DHAKA DHAKA: Uy Quang, Cự Uy Quang

CALA CALA: chuyển động xoay vần khắp

BANDHA BANDHA DAŚAR-DIŚAM: Kết giữ đến cùng cực khắp mười phương

SARVA-TATHĀGATA ANUJÑATE: lời dạy bảo của tất cả Như Lai

PRAVARA-DHARMA LADDHA: chứng được Pháp thù thắng

VIJAYE: không có gì hơn được

BHAGAVATI: Đức Thế Tôn

VIKURŪ VIKULE: trước sau trừ bụi dơ làm cho trong sạch

LELLU-PURI: Cung Vô Tướng lia bụi dơ của tất cả Như Lai

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Bồ Đề Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM A

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

A: chúng tử biểu thị cho giai đoạn phát Tâm Bồ Đề

_Hạnh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM Ā

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

Ā: chúng tử biểu thị cho giai đoạn nuôi lớn Tâm Bồ Đề

_Thành Bồ Đề Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
AM: chúng tử biểu thị cho giai đoạn chứng ngộ Tâm Bồ Đề

_Niết Bàn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
AḤ: chúng tử biểu thị cho giai đoạn thực chứng Niết Bàn

_Giáng Tam Thế Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ TRAILOKYA-VIJAYA_ HAḤ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Kim Cương
TRAILOKYA-VIJAYA: Giáng Tam Thế
HAḤ: chúng tử biểu thị cho sức Đại Tuệ của Như Lai

_Bất Động Tôn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ HĀM

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Kim Cương
HĀM: chúng tử biểu thị cho sức tự tại giải thoát của Như Lai

_Trừ Cái Chướng Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
AḤ: chúng tử biểu thị cho sự phá trừ mọi chướng ngại

_Quán Tự Tại Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ SAḤ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
SAḤ: chúng tử biểu thị cho sự tự tại gia trì dứt trừ mọi lậu nhiễm thực chứng sự thanh tịnh

_Kim Cương Thủ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM_ VAḤ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Kim Cương
VAḤ: chúng tử biểu thị cho sự dứt các hý luận, dứt đường nói năng, Pháp như Niết Bàn

_Diệu Cát Tường Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
MAM: chúng tử biểu thị cho việc dùng Tâm Đại Không chứng cái Đại Không của Tâm, đầy đủ mọi Đức

_Hư Không Nhãn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

GAM: chúng tử biểu thị cho sự chứng ngộ Pháp không có chỗ đi, tức chứng ngộ con đường chân thật thành bậc Chính Giác

Pháp Giới Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM RAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

RAM: chúng tử biểu thị cho sự chứng ngộ “các bụi trần xưa nay chẳng sinh, vốn thường thanh tịnh”

Đại Cần Dũng Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM KHAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

KHAM: chúng tử biểu thị cho sự ngồi ở Đạo Trường thấy biết cái **trống rỗng** bình đẳng với hư không, vượt qua ngôn ngữ, lia các nhân duyên, hiển lộ Pháp giảng phục Ma cho người tu hành nhìn thấy, do đây mà có hiệu là Đại Cần Dũng

Thủy Tụ Tại Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM JAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

JAM: chúng tử biểu thị cho sự chứng ngộ “chẳng sinh mà sinh như mây lớn tuôn mưa sinh ra vạn vật, tuy chỉ có một vị bình đẳng nhưng vạn vật tùy theo phân loại mà thọ nhận chẳng đồng nhau”

Đa La Tôn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

TAM: chúng tử biểu thị cho sự chứng ngộ được Pháp **Thật Tướng** của Chân Như

Tỳ Câu Chi Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM BHR

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

BHR: chúng tử biểu thị cho sự có Tam Muội tự tại, dùng phương tiện Đại Bi an trú trong các vốn chẳng sinh của các Hữu, vứt bỏ bệnh dơ mà chẳng bỏ Pháp

Đắc Đại Thế Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

SAM: chúng tử biểu thị cho sự chứng ngộ Pháp lia bỏ bụi dơ hiển bày quả thật

Bạch Xứ Tôn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM PAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

PAM: chúng tử biểu thị cho “Đệ Nhất Nghĩa vô nhiễm” sinh ra từ cảnh giới của Như Lai

Hà Gia Yết Lý Bà (Mã Đầu) Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HAM: chúng tử biểu thị cho cái dụng của Phổ Môn tự tại

Da Du Đà La Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_YAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

YAM: chúng tử biểu thị cho sự tự tại ban phát Pháp Môn trang nghiêm các thứ báu cho quần sinh

Bảo Chương Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_SAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

SAM: chúng tử biểu thị cho sự chứng ngộ Pháp lìa bỏ bụi dơ phiền não, hiển bày Trí Tuệ chân thật

Quang Vãng Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_JAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

JAM: chúng tử biểu thị cho sự dùng cái lưới ánh sáng hóa độ chúng sinh mà được tự tại

Thích Ca Mâu Ni Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_BHAḤ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

BHAḤ: Chữ chúng tử của Thích Ca Mâu Ni, có ý nghĩa là tất cả Pháp **Hữu** chẳng thể đắc. Do **tất cả Hữu** là 3 Hữu cho đến 25 Hữu nên BHA biểu thị cho nghĩa **được Tự Tại trong các Hữu**, thường hay phá nát các Pháp **đời đời** (thiên biến) hiển lộ Pháp Tự Tại.

Tam Phật Đỉnh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_HŪM TRŪM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HŪM: chúng tử biểu thị cho Tâm Bồ Đề hoặc sự thành tựu

TRŪM: chúng tử biểu thị cho nghĩa “Tự Ngã phát sinh ra tất cả Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn”

Bạch Tản Phật Đỉnh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_LAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

LAM: chúng tử biểu thị cho chân nghĩa “Vô Tướng chẳng thể đắc” hoặc “tất cả Pháp Tướng chẳng thể đắc” nên rất rạo thường thanh tịnh. Từ đây dùng sự Đại Bi trắng tịnh che chở cho khắp chúng sinh trong Pháp Giới

Thắng Phật Đỉnh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ŚAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

ŚAM: chúng tử biểu thị cho các Pháp vốn có Tính vắng lặng, tức là Đỉnh của Đại Tịch

Tối Thắng Phật Đỉnh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ŚĪ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

Śī: chúng tử biểu thị cho Đỉnh Thần Thông thọ lượng bí mật của Như Lai

Hỏa Tụ Phật Đỉnh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TRĪM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

TRĪM: chúng tử biểu thị cho sự **Như Như** không có đơ bản, tức là Đỉnh Định Tuệ Quang Minh của Như Lai

Trừ Chướng Phật Đỉnh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HRŪM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HRŪM: chúng tử biểu thị cho sức Vô Sở Úy Thần Thông của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui

Thế Minh Phi Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TAM HAM PAM HAM YAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

TAM HAM PAM HAM YAM: chúng tử của tất cả hàng **Thế Thiên** thâm nhập cùng khắp tất cả hình sắc làm nên lợi ích đều được thành tựu

Vô Năng Thắng Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HUM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HUM: chúng tử biểu thị cho tiếng sư tử rống phẫn nộ giáng phục các Ma ác

Địa Thần Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VI

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

VI: chúng tử biểu thị cho Kim Cương Tam Muội có công năng giữ gìn đất của Đạo Trường khiến cho nó giống như Kim Cương

Kế Thiết Ni Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM KILI

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

KI: chúng tử biểu thị cho Cát Tường Diệu Nghĩa Tam Muội

LI: chúng tử biểu thị cho sự không có tướng

Ổ Ba Kế Thiết Ni Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DILI

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

DI: chúng tử biểu thị cho Diệu Cát Tường Thí Nguyện Tam Muội

LI: chúng tử biểu thị cho Vô Tướng Gia Trì Tam Muội

Chất Đa Đồng Tử Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MILI

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

MI: chúng tử biểu thị cho Diệu Cát Tường Đại Không Tam Muội

LI: chúng tử biểu thị cho Vô Tướng Gia Trì Tam Muội

Tài Tuệ Đồng Tử Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HILI

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
HI: chúng tử biểu thị cho Diệu Cát Tường Tự Tại Thần Lực Tam Muội
LI: chúng tử biểu thị cho Vô Tướng Gia Trì Tam Muội

Trừ Nghi Quái Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HASANĀM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
HASANĀM: nghĩa là sự vui mừng, tức dùng Bi Lực Tam Muội bứt trừ lưới nghi
hối, tà ác của tất cả chúng sinh khiến cho hết thảy đều trụ trong Trí chân thật

Thí Nhất Thiết Chúng Sinh Vô Úy Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM RASANĀM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
RASANĀM: nghĩa là mùi vị, tức dùng Bi Lực Tam Muội mở cửa Cam lộ, bứt trừ
đêm tối sinh tử với các sợ hãi của chúng sanh, khiến họ thấy Chính Đạo được đến
chỗ tự Quy Y

Trừ Nhất Thiết Ác Thú Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DVĀSANĀM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
DVĀSANĀM: nghĩa là đập nát, tức dùng Bi Lực Tam Muội để hoại diệt các
chướng với nẻo ác của chúng sinh

Ai Mẫn Tuệ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VIHASANAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
VIHASANAM: nghĩa là dùng các phương tiện khéo léo khiến cho được an vui

Đại Từ Sinh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM THAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
THAM: chúng tử biểu thị cho Bi Lực Tam Muội kéo mây Đại Từ tuôn cơn mưa
Pháp xuống khắp nơi, khiến cho tùy theo Tính Phần đều được lớn tốt

Đại Bi Triển Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM YAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
YAM: chúng tử biểu thị cho các loại **Thừa** (Yāna) hướng dẫn chúng sinh vượt
thoát nhà lửa của ba cõi

Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM Ī

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
Ī: chúng tử biểu thị cho Cực Vô Sinh Tam Muội tức là Nhất Thiết Trí, là cái ao
Pháp thanh tịnh. Nay dùng Bi Lực Tam Muội dẫn dắt chúng sinh bị nhiệt não vượt qua
cánh đồng sinh tử, đồng vào Tam Mọi Cực Vô Sinh này

Bất Tư Nghị Tuệ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ Ū

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

Ū: chúng tử biểu thị cho Môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn, tức biết các Pháp rốt ráo bình đẳng nên có thể dùng các loại nghiệp ác, phiền não của Như Lai vào trong ngục **Vô Gian** như nhận niềm vui của **Tam Thiên** Nếu vào được Môn giải thoát như vậy thì có thể ở lâu trong sinh tử mà không dấy lên sự chán mệt

Bảo Xứ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ DAM JAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

DAM: chúng tử biểu thị cho Tính báu trong đất Tâm thường sinh ra các báu vạn thiện cho tất cả chúng sinh

JAM: chúng tử biểu thị cho sự sinh ra cái chưa sinh, tức thường sinh ra được các thứ báu, lại hay ban cho chúng sinh lời dạy của Pháp Bảo, cho nên Bồ Tát này có tên là Bảo Xứ

Bảo Thủ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ṢAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

ṢAM: ṢA biểu thị cho 6 Ba La Mật. Do Pháp Bảo của 6 Ba La Mật đều từ tay Định Tuệ sinh ra, ban bố cho chúng sinh. Vì thế ṢAM biểu thị cho Pháp Môn mãn nguyện trong Địa Tạng Tam Muội, tức dùng viên ngọc Như Ý trong bàn tay có thể tùy theo kẻ cầu xin mà cung cấp cho

Trì Địa Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ NAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

NAM: chúng tử biểu thị cho Đại Không Tam Muội. Vì hư không hòa hợp với đất sinh trưởng vạn vật. Đại Bi như đất, Đại Trí như hư không. Vì Bồ Tát này dùng Bi Trí gìn giữ tất cả các Pháp Môn khiến cho tất cả chúng sinh cũng được như vậy, cho nên có tên là Trì Địa

Lại có Trì Địa Chân ngôn là :

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

JHAM: đây là chúng tử khác của Trì Địa Bồ Tát biểu thị cho sự chứng ngộ “**sự chống trái nhau của tất cả các Pháp chẳng thể đắc**” vì thế tự tại dùng Địa Tạng Tam Muội, hay an nhẫn nuôi dưỡng vạn vật như đất, an nhẫn như đất nơi mọi sự đấu tranh sinh ra Trí Tuệ. Tịnh hóa **Đại Chủng** (đất, nước, gió, lửa) bất tịnh, thành tựu tốt lành. Tịnh hóa mùi vị bất tịnh, thành tựu tốt lành. Tịnh hóa năng lực bất tịnh, thành tựu tốt lành. Thành tựu đầy đủ tất cả ước nguyện

Bảo Ân Thủ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PHAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

PHAM: chúng tử biểu thị cho các Pháp giống như đám bọt nổi. Vì Tính của nước chỉ do Nhân Duyên hợp lại, đều không có Tự Thể. Các báu Công Đức cũng lại như vậy, chỉ là nước Tâm động sóng đều tự theo Nhân Duyên, rốt ráo **vốn chẳng sinh**. Do hay soi chiếu, biết rõ Tính của báu mà được tự tại

Kiên Cố Ý Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM NAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

NAM: chúng tử biểu thị cho Thể của cảnh giới Kim Cương Bất Hoại. Trong đó các việc làm nghĩa lợi, hết thầy đều thành tựu, tức là gây dựng cho chúng sinh nơi thực tế vậy

Hư Không Vô Cấu Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HAM: chúng tử biểu thị cho sự chứng ngộ Nhân của Tâm Bồ Đề thanh tịnh. Vì Nhân (Hetu) chẳng thể đặc cho nên như hư không thanh tịnh xa lìa các tướng, tự tại xoay chuyển khắp nơi không có trở ngại

Hư Không Tuệ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM RIM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

RIM: chúng tử biểu thị cho sự chứng ngộ “các phiền não dơ bẩn vốn chẳng sinh” cho nên hiển lộ ánh sáng Trí Tuệ thanh tịnh như hư không xoay chiếu khắp mọi nơi, muôn lượng lặng trong chẳng lay động một hạt bụi nào

Thanh Tịnh Tuệ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GATAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

GATAM: biểu thị cho sự: “ở tất cả các Pháp không có chỗ hành mà quán các Pháp như **Thật Tướng**”

Hành Tuệ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DHIRAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

DHI: chúng tử biểu thị cho Tam Muội của vạn hạnh vào sâu trong Pháp Giới

RAM: chúng tử biểu thị cho Trí của Pháp Giới thanh tịnh

An Tuệ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HŪM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HŪM: chúng tử biểu thị cho sự “dùng tiếng sư tử rống làm phương tiện Phô Môn diệt tất cả hý luận của chúng sinh”

Chư Phụng Giáo Giả Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DHI ŚRĪ HA BRAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

DHI: chúng tử biểu thị cho Vạn Hạnh Tam Muội của Pháp Giới thanh tịnh

ŚRĪ: đầy đủ Đức Cát Tường

HA: biểu thị cho sự hoàn thành tất cả việc

BRAM: nghĩa là cùng khắp mọi nơi, không bị ràng buộc, không có bụi dơ

Tất cả các Sứ Giả Phụng Giáo thì tùy theo mỗi vị mà lấy một trong các chữ đó làm chúng tử hoặc tùy theo nghĩa mà dùng cho tương ứng .

Bồ Tát Sở Thuyết Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KṢAḤ ḌA TA RA YAṀ KAṀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

KṢAḤ: chúng tử biểu thị cho Tính nghiệp vốn lặng yên

ḌA: chúng tử biểu thị cho tất cả Pháp lia oán đối

TA: chúng tử biểu thị cho “**Như Như** chẳng thể đắc”

RA: chúng tử biểu thị cho “Pháp Giới không có bụi”

YAṀ: chúng tử biểu thị cho “không có các Thừa”

KAṀ: chúng tử biểu thị cho sự lia các việc làm

Tất cả các Bồ Tát tùy theo mỗi vị mà lấy một trong các chữ đó làm Chân Ngôn hoặc tùy theo nghĩa mà dùng cho tương ứng

Tĩnh Cư Thiên Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MANO-RAMA-DHARMA

SAMBHAVA VIBHAVA-KATHANA_ SAṀ SAṀ SATĪ_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

MANO-RAMA-DHARMA: Pháp mà ý yêu thích

SAMBHAVA VIBHAVA-KATHANA: sinh ra thuyết uy nghiêm

SAṀ SAṀ SATĪ: đắc được Thể của Chân Ngôn là tất cả đều đoan nghiêm vi diệu, làm đẹp lòng người

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

La Sát Sa Chân Ngôn

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ KRAM_ KELI

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

KRAM_ KELI: Hướng vào nơi hoan lạc

Chư Trà Cát Ni Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HRĪḤ HAḤ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HRĪḤ HAḤ: thực hành Pháp trừ sự dơ bẩn của các Tà Thuật

Chư Dược Xoa Nữ Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ YAKṢA VIDYA-DHĀRI

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

YAKṢA-VIDYA-DHĀRI: Dược Xoa Trì Minh Nữ

Chư Tỳ Xá Già Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PICI PICI

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

PICI PICI: lời nói chân thật của Piśāca là: “dùng sức Đại Bi chẳng buông bỏ chúng sinh bị khổ não, vẫn ở cõi của họ mà vào trụ Giải thoát chẳng thể nghĩ bàn”

Chư Bộ Đa Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GUM Ī_ GUM I_ MAM SAMNE

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

GUM Ī_ GUM I_ MAM SAMNE: Ngôn âm của hàng Bộ Đa là: “không có chỗ đi mà đến 3 Đức của Niết Bàn. Trong Tạng Bí Mật hỗn hợp thành cái Ta tự tại”

_Chư A Tu La Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RAṬAM RAṬAM DHVAM TAM
MRA A_ A PRA**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

RAṬAM RAṬAM DHVAM: lia bỏ sự hoan hỷ khoái lạc

TAM: chứng ngộ **Như Như**

MRA A: cái chết vốn chẳng sinh

A PRA: sự thắng thượng của các Pháp **vốn chẳng sinh**

_Chư Ma Hầu La Già Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ RĀ_ GARALAM VIM_ RA LIM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

RĀ: xa lia bụi dơ

GARALAM VIM: chứng ngộ chia lia thuốc độc

RA LIM: Chứng ngộ Vô Tướng Gia Trì Tam Muội dứt trừ bụi dơ

_Chư **Khẩn Na La** Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HASANAM VIHASANAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HASANAM VIHASANAM: Hoan Hỷ khiến cho người khác hoan hỷ

_Chư Nhân Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ICCHA-PARAM MANU-MAYE
ME_ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

ICCHA-PARAM MANU-MAYE ME: Nguyên cầu cho tôi có được thân người
thắng thượng

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

3_ QUYÊN 3:

_Tứ Tự Môn Chân Ngôn

**NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHAYAḤ_ VIŚVA-MUKHEBHAYAḤ_
SARVATHĀ A Ā AM AḤ**

NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHAYAḤ: Quy mệnh tất cả các Như Lai

VIŚVA-MUKHEBHAYAḤ: các loại Xảo Độ Môn

SARVATHĀ: tổng nhiếp tất cả Pháp Môn

A: mở Tri Kiến của Phật, tức là Tâm Bồ Đề trong sạch

Ā: bày Tri Kiến của Phật, tức là vạn hạnh Đại Bi

AM: hiểu Tri Kiến của Phật, tức là thành Đại Bồ Đề

AḤ: vào Tri Kiến của Phật, tức là nhập vào Niết Bàn

_Hư Không Đẳng Lực Hư Không Tạng Chuyển Minh Phi:

**NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHAYAḤ_ VIŚVA-MUKHEBHAYAḤ_
SARVATHĀ KHAM UDGATE SPHARA_ HI MAM GAGANAKAM_
SVĀHĀ**

NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHAYAḤ: Quy mệnh tất cả các Như Lai

VIŚVA-MUKHEBHAYAḤ: các loại Xảo Độ Môn

SARVATHĀ: tổng nhiếp tất cả Pháp Môn
KHAM UDGATE SPHARA: trụ ở Đại Không Tam Muội sinh ra duỗi tràn
HI MAM GAGANAKAM: khiến cho con đầy đủ mọi thứ cúng dường tràn khắp
không
SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_ Giáng Phục Tứ Ma Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ VĪRA HŪM KHAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

AḤ: tịnh trừ tất cả khổ, giáng phục 4 Ma

VĪ: Vô Triền Phộc Tam Muội, Tam Muội không có sự ràng buộc

RA: Tịnh 6 căn, không có bụi dơ

HŪM: thành tựu 3 Môn Giải Thoát của Như Lai

KHAM: trụ ở Đại Không Tam Muội

_ Nhất Thiết Tam Thế Vô Ngại Lực Minh Phi:

**TADYATHĀ: GAGANA-SAME_ APRATI-SAME_ SARVA
TATHĀGATA SAMANTA ANUGATE GAGANA SAMA_ VARA
LAKṢAṆE_ SVĀHĀ**

TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là

GAGANA-SAME: ngang bằng như hư không

APRATI-SAME: như không có gì ngang bằng

SARVA-TATHĀGATA SAMANTA ANUGATE: Tất cả Như Lai thuận theo
khắp cả

GAGANA-SAMA VARA LAKṢAṆE: như Tướng **Thượng Diệu** ngang bằng
với hư không

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_ Nhất Thiết Vô Năng Hại Lực Minh Phi:

**NAMAḤ SARVA TATHĀGATEBHYAḤ_ SARVA MUKHEBHYAḤ_
ASAME PRASAME ACALE GAGANE SMARAṆE_ SARVATRA
ANUGATE_ SVĀHĀ**

NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYAḤ: Quy mệnh tất cả các Như Lai

SARVA-MUKHEBHYAḤ: tất cả các Pháp Môn

ASAME PRAME: **Bậc nhất** không có gì ngang bằng

ACALE GAGANE SMARAṆE: ghi nhớ như hư không chẳng lay động

SARVATRA ANUGATE: thuận theo tất cả nơi chốn

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Thí Nguyện Kim Cương Đồng Tử (tên riêng của Văn Thù Bồ Tát) Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MAM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

MAM: chúng tử biểu thị cho cây kiếm Trí Tuệ chặt đứt các phiền não, lậu hoặc,
thực chứng **Vô Ngã**

4_ QUYỂN 4:

_ Đại Tuệ Đạo Ân Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MAHĀ-KHAḌGA VIRAJA
DHARMA SAṂDARŚAKA SAHAJA-SĀTKĀYA-DRṢṬI CCHEDAKA_**

**TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJĀTA _ VIRĀGA-DHARMA NIRJĀTA _
HŪM**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
MAHĀ-KHAḌGA VIRAJA-DHARMA SAMDARŚAKA: cây Đao lớn (cây
đao Đại Trí của chư Phật Như Lai) hiện bày Pháp lià cầu ướ
SAHAJA-SATKĀYA-DRṢṬI CCHEDAKA: chặt đứt **Câu Sinh Thân Kiến**
TATHĀGATA ADHIMUKTI NIRJĀTA: sinh ra **Tín Giải** của Như Lai
VIRĀGA-DHARMA NIRJĀTA: sinh ra Pháp lià ái nhiễm
HŪM: thành tựu 3 loại Thân **Pháp, Báo, Hóa**

_Thắng Nguyên Cát Tường Pháp Loa Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ AM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
AM: chứng ngộ Thể Tính vắng lặng của Niết Bàn

_Cát Tường Nguyên Liên Hoa Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ AH

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
AH: thực chứng Niết Bàn

_Kim Cương Đại Tuệ Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HŪM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
HŪM: hiện bày Pháp Thân

_Như Lai Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ HŪM HŪM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
HŪM HŪM: thành tựu **Nhân** với **Quả** của Như Lai, tức là thành Phật

_Hào Tướng Tạng Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ AH HAM JAḤ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
AH HAM JAḤ: dùng hạnh **Bất Sinh** để tịnh hóa các Nhân **Bất Tịnh**

_Thích Ca Mâu Ni Đại Bát Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ BHAḤ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
BHAḤ: Trừ 3 cõi để được cái **Hữu** chân thật của Như Lai, nghĩa là Pháp **Nhân**
của chư Phật

_Thí Vô Úy Ấn Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ SARVATHĀ JINA JINA _
BHAYA NĀŚANA _ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
SARVATHĀ: khắp cả mọi nơi
JINA JINA: thắng được mọi phiền não của phàm phu và Nhị Thừa
BHAYA NĀŚANA: Trừ bỏ sự đáng sợ
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Dữ Nguyễn Ân Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VARADA VAJRĀTMAKA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
VARADA VAJRĀTMAKA: ban cho thân Kim Cương
SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

_Chư Phật Đại Ân Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ MAHĀ-BALA-VATI_ DAŚA-BALA UDBHAVE_ MAHĀ-MAITRYA ABHYUDGATE_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
MAHĀ-BALA-VATI: đầy đủ Đại Lực
DAŚA-BALA UDBHAVE: sinh ra mười lực
MAHĀ-MAITRYA ABHYUDGATE; phát sinh Đại Từ
SVĀHĀ: thành tựu mọi ước nguyện của chúng sinh

_Bi Sinh Nhân Ân Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ GAGANA VARA LAKṢAṆA KĀRUṆI-MAYA_ TATHĀGATA-CAKṢU_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
GAGANA-VARA-LAKṢAṆA KĀRUṆI-MAYA: Tướng của Nguyên không có
chướng ngại như hư không là Thể của **Bi**
TATHĀGATA-CAKṢU_ SVĀHĀ: thành tựu con mắt của Như Lai

_Thắng Nguyễn Sách Ân Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE HE MAHĀ-PĀŚA_ PRASARA UDĀRYA_ ŚATVA-DHĀTU_ VIMOHAKA_ TATHĀGATA_ ADHIMUKTI_ NIRJĀTA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
HE HE: hô triệu
MAHĀ-PĀŚA_ PRASARA UDĀRYA: sợi dây to lớn lưu bày sự thắng
thượng thù diệu
ŚATVA-DHĀTU_ VIMOHAKA_ TATHĀGATA_ ADHIMUKTI_ NIRJĀTA:
khiến cho tâm hỗn loạn của **Hữu Tình Giới** sinh ra **Tín Giải** của Như Lai
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Như Lai Câu Ân Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ SARVATRA APRATIHATE_ TATHĀGATA-AMKUŚA_ BODHI-CARYĀ_ PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
AḤ SARVATRA APRATIHATE: dẫn vào khắp cả mọi nơi không có trở ngại
TATHĀGATA-AMKUŚA_ BODHI-CARYĀ_ PARIPŪRAKA: Như Lai câu móc
đầy đủ Hạnh Bồ Đề
SVĀHĀ: thành tựu Quả màu nhiệm

_Như Lai Tâm Ân Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ JÑĀNA-UDBHAVA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

JÑĀNA-UDBHAVA: sinh ra Trí của chư Phật
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhu Lai Tề Ấn (cái rốn) Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AMṚTA-UDBHAVA_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
AMṚTA-UDBHAVA: sinh ra Cam Lộ diệt trừ các phiền não của chúng sinh
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhu Lai Yêu (eo lưng) Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA SAMBHAVA_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
TATHĀGATA SAMBHAVA: sinh ra Như Lai
SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

_Nhu Lai Tạng Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYAḤ_ RAṂ RAṂ_ RAḤ RAḤ_ SVĀHĀ
NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYAḤ: Quy mệnh tất cả các Như Lai
RAṂ RAṂ: chúng ngộ **Vô Cấu Tam Muội** trừ khử mọi chướng ngại của Phàm Phu và Nhị Thừa
RAḤ RAḤ: tịnh trừ sự dơ bẩn của Phàm Phu và Nhị Thừa
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Đại Giới Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ LELLUPURI VIKULE_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
LELLUPURI: Cung Vô Tướng lia bụi dơ của tất cả Như Lai
VIKULE: lia sự trói buộc của các Tướng
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhu Lai Giáp Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ PRACAṆḌDA-VAJRA_ JVĀLA VISPHURA_ HŪM
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
PRACAṆḌDA-VAJRA_ JVĀLA_ VISPHURA: Ánh lửa của Bạo Nộ Kim Cương duỗi tràn khắp nơi
HŪM: khùng bố mọi chướng nạn, thành tựu 3 Môn giải thoát **Không, Vô Tướng, Vô Tác**

_Nhu Lai Thiệt Tướng (tướng cái lưỡi của Như Lai) Chân Ngôn

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TATHĀGATA-JIHVA_ SATYA-DHARMA PRATIṢṬITA_ SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
TATHĀGATA-JIHVA: cái lưỡi của Như Lai
SATYA-DHARMA_ PRATIṢṬITA: hay an lập Pháp **thật tế**
SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

Như Lai Ngữ Môn Ấn Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TATHĀGATA MAHĀ-VĀKTRA
VIŚVA-JÑĀNĀM MAHODAYA SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

TATHĀGATA MAHĀ-VĀKTRA: lời nói rộng lớn của Như Lai

VIŚVA-JÑĀNĀM MAHODAYA: tặng thượng sinh ra toàn bộ các Trí

SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

Như Lai Nha Ấn Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TATHĀGATA-DAMṢṬRA RASA
RASA AGRA SAMPRĀPAKA TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA
SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

TATHĀGATA-DAMṢṬRA-RASA: mùi vị răng nanh của Như Lai

RASA AGRA SAMPRĀPAKA: có được mùi vị thắng thượng

TATHĀGATA-VIṢAYA SAMBHAVA: sinh ra cảnh giới của Như Lai

SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

Như Lai Biện Thuyết Ấn Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ACINTYA ADBHUTA RŪPA VĀK
SAMANTA-PRĀPTA VIŚUDDHA-SVARA SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

ACINTYA ADBHUTA RŪPA VĀK: Hình sắc, ngữ ngôn hiem có chẳng thể
nghĩ bàn

SAMANTA-PRĀPTA VIŚUDDHA-SVARA: khắp cả đắc được âm thanh thanh
tịnh

SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

Như Lai Trì Thập Lực Ấn Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DAŚA-BALĀMGA-DHĀRA HŪM
SAM JAM SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

DAŚA-BALĀMGA-DHĀRA: Trì giữ thân phần của mười Lực

HŪM SAM JAM: triệu vời **Không Tam Muội** của 3 Đức

SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

Như Lai Niệm Xứ Ấn Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TATHĀGATA-SMṚTI SATVA
HĪTA ABHYUDGATA GAGANA SAMA ASAMA SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

TATHĀGATA-SMṚTI: Nhớ niệm Như Lai

SATVA HĪTA ABHYUDGATA: sinh ra lợi ích cho hữu tình

GAGANA-SAMA ASAMA: như đấng Hư Không không có gì ngang bằng được

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Khai Ngộ Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVA-DHARMA-SAMATĀ
PRĀPTA TATHĀGATA ANUGATA SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

SARVA-DHARMA-SAMATĀ PRĀPTA: Đắc được Tính bình đẳng của tất cả Pháp

TATHĀGATA ANUGATA: thuận theo Như Lai
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Đa La Tôn Ân Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM TĀRE TĀRIṆĪ KĀRUṆA-
UDBHAVE SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
TĀRE: con mắt trong sạch không có bụi dơ, thấy biết như thật
TĀRIṆĪ: cực độ nghĩa là tự được độ rồi lại hay độ khắp tất cả chúng sinh
KĀRUṆA- UDBHAVE: sinh ra Tâm Bi
SVĀHĀ: quyết định thành tựu

Quang Vãng Câu Ân Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HE HE KUMĀRA MĀYĀGATA
SVABHĀVA STHITA SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
HE HE KUMĀRA: hô triệu Đồng Tử tức hô triệu sự chẳng nhiệm dĩnh
MĀYĀGATA: biết các Pháp như Huyền
SVABHĀVA STHITA: an trụ nơi Tự Tính
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Vô Cầu Quang Ân Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HE KUMĀRA VICITRA GATI
KUMĀRAM- ANUSMARA SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
HE KUMĀRA VICITRA-GATI: mừng thay mọi loại Hành của Đồng Tử (tức mọi loại việc làm chẳng nhiệm dĩnh)
KUMĀRAM- ANUSMARA: ghi nhớ sự chẳng nhiệm dĩnh
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Kê Thiết Ni Dao Ân Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HE HE KUMĀRIKE
DAYĀJÑĀNĀM SMARA PRATIJÑĀM SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
HE HE KUMĀRIKE: hô gọi bậc không có nhiệm dĩnh
DAYĀJÑĀNĀM: ban cho các Trí
SMARA PRATIJÑĀM: ghi nhớ Bản Nguyện
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Ưu Bà Kê Thiết Ni Kích Ân Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM BHINDHAYA AJÑĀNĀM HE
KUMĀRIKE SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
BHINDHAYA AJÑĀNĀM: Xuyên qua sự không có Trí (vô Trí), tức là dùng
Điều Tuệ xuyên qua sự không có Trí mà đạt được Tướng chân thật
HE KUMĀRIKE: mừng thay bậc không có nhiệm dĩnh
SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

_Địa Tuệ Tràng Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE SMARA JÑĀNA-KETU_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
HE SMARA JÑĀNA-KETU: hô gọi ghi nhớ cây phượng Trí
SVĀHĀ: thành tựu sự trừ bỏ mọi sợ hãi của kẻ không có Trí

_Thỉnh Triệu Đồng Tử Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ĀKARṢAYA SARVA KURU AJÑAM KUMĀRASYA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
ĀKARṢAYA SARVA KURU AJÑAM: Thỉnh triệu tất cả làm theo Giáo Sách
KUMĀRASYA: đến với thân của bậc không có nhiễm dính này
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Chư Phụng Giáo Giả Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ VISMAYANĪYE_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
AḤ: chúng tử biểu thị cho hình phần nộ
VISMAYANĪYE: như đem đến sự hiểm có khiến cho mãn nguyện
SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

_Trừ Nghi Quái Kim Cương Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ VIMATI CCHEDAKA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
VIMATI CCHEDAKA: chặt đứt mọi sự nghi ngờ không có Tuệ
SVĀHĀ: Trong Chúng Hội của Phật chặt đứt sự nghi quái của chúng sinh khiến
cho vui vẻ

_Thí Vô Úy Giả Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ABHAYAMDĀDA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
ABHAYAMDĀDA: ban cho sự không có sợ hãi
SVĀHĀ : thành tựu vị Pháp Cam Lộ

_Trừ Ác Thú Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ABHYUD-DHARAṆI SATVA-DHĀTU_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
ABHYUD-DHARAṆI SATVA-DHĀTU: nâng giữ Hữu Tinh Giới phá 3 đường
ác
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Cứu Hộ Tuệ Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HE MAHĀ-MAHĀ_ SMARA PRATIJÑAM_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

HE MAHĀ-MAHĀ: hô triệu cái lớn trong cái lớn tức hô triệu bậc Tôn Quý trong bậc Tôn Quý

SMARA PRATIJÑAM: ghi nhớ Bản Nguyện

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Đại Từ Sinh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SVACITTA UDGATA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

SVACITTA UDGATA: từ Tâm của mình sinh ra

SVĀHĀ: thành tựu Tâm **Đại Từ**

Bi Niệm Giả Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

KĀRUNA-MRḌITA: đáng Bi Mẫn nhớ Bi Nguyện cứu giúp chúng sinh

SVĀHĀ: ban cho sự thành tựu tốt lành

Trừ Nhất Thiết Nhiệt Não ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HE VARADA VARA PRĀPTA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

HE VARADA; hô triệu ban cho, hay mãn nguyện của tất cả chúng sinh

VARA PRĀPTA: đắc được nguyện lúc trước

SVĀHĀ: thành tựu Phật Đạo

Bất Tư Nghị Tuệ Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVĀŚĀ PARIPŪRAKA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

SARVĀŚĀ PARIPŪRAKA: thỏa mãn đầy đủ tất cả ý nguyện

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Địa Tạng Kỳ (cây cò) Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HA HA HA VISMAYE SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

HA HA HA: lia 3 Nhân, đạt 3 Thừa, chứng 3 Không, đạt 3 Trí

VISMAYE SVĀHĀ: thành tựu sự hiêm có

Bảo Xứ Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HE MAHĀ MAHĀ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

HE MAHĀ-MAHĀ: hô triệu cái lớn trong cái lớn tức hô triệu vật báu trong vật báu

SVĀHĀ: thành tựu nơi sinh ra vật báu

Bảo Thủ Bồ Tát Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM RATNA-UDBHAVA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

RATNA-UDBHAVA SVĀHĀ: từ vật báu sinh ra sự thành tựu tốt lành

Trì Địa Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DHARAṆI-DHĀRA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

DHARAṆI-DHĀRA: Trì giữ đất đai sinh trưởng vạn vật, tức là dùng **Bi Trí** giữ gìn đất Phật khiến cho tất cả chúng sinh cũng được Phật Địa

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Bảo Ấn Thủ Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM RATNA NIRJĀTA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

RATNA NIRJĀTA: sinh ra vật báu

SVĀHĀ: thành tựu vật báu của Như Lai

Phát Kiên Cố Ý Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VAJRA SAMBHAVA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

VAJRA SAMBHAVA: sinh ra Kim Cương

SVĀHĀ: thành tựu Trí Ấn Kim Cương

Hư Không Vô Cấu Bồ Tát Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GAGANA ANANTA GOCARA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

GAGANA ANANTA-GOCARA: vô lượng Hành đồng với hư không

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Hư Không Tuệ Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM CAKRA-VARTTI SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

CAKRA-VARTTI: vẫn chuyển bánh xe, tức các bậc Thánh lúc trước đã chuyển bánh xe Pháp

SVĀHĀ: nguyện cho tất cả chúng sinh cũng thành tựu được sự chuyển bánh xe Pháp

Thanh Tĩnh Tuệ Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM DHARMA SAMBHAVA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

DHARMA SAMBHAVA: từ Pháp sinh ra

SVĀHĀ: thành tựu Tự Tính thanh tịnh của Pháp

Hành Tuệ Bồ Tát Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM PADMĀLAYA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

PADMĀLAYA SVĀHĀ: thành tựu Liên Hoa Tạng

An Trụ Tuệ Bồ Tát Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM JÑĀNA-UDBHAVA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

JÑĀNA-UDBHAVA: Từ Trí sinh ra

SVĀHĀ: thành tựu Trí Kim Cương

_ Vô Năng Thắng Ấn Chân Ngôn;

**NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM DURDHAṢA MAHĀ-ROṢAṆA
KHĀDAYA SARVAṀ TATHĀGATA-AJĀNAM KURU SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả chư Kim Cương

DURDHAṢA: khó giáng phục, chẳng thể vượt qua, chẳng thể quán nhìn

MAHĀ-ROṢAṆA: Đại bạo nộ

KHĀDAYA: ăn nuốt hết tất cả phiền não chướng

SARVAṀ TATHĀGATA-AJĀNAM KURU: Tất cả thực hành Giáo Sắc của Như

Lai

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Bất Động Tôn Ấn Chân Ngôn;

**NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYAḤ SARVA-MUKHEBHYAḤ
SARVATHĀ TRAT CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA KHAM KHAHI KHAHI
SARVA-VIGHNA HŪM TRAT**

NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYAḤ: Quy mệnh tất cả các Như Lai

SARVA-MUKHEBHYAḤ: tất cả các Môn

SARVATHĀ: tổng nhiếp tất cả Pháp Môn

TRAT: quát mắng phá chướng

CAṆḌA: bạo ác

MAHĀ-ROṢAṆA: đại bạo nộ

KHAM KHAHI KHAHI: dùng Đại Không Tam Muội ăn nuốt hết các cầu
chướng của tất cả chúng sinh

SARVA-VIGHNA HŪM TRAT: quát mắng khủng bố tất cả chướng

_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM LAM SITĀTAPATRA-UṢṆĪṢA
SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật

LAM: chủng tử biểu thị cho chân nghĩa “Vô Tướng chẳng thể đắc” hoặc “tất cả
Pháp Tướng chẳng thể đắc” nên rất ráo thường thanh tịnh. Từ đây dùng sự Đại Bi
trắng tịnh che chở cho khắp chúng sinh trong Pháp Giới

SITĀTAPATRA-UṢṆĪṢA (**Sitātapatroṣṇīṣa**): Bạch Tản Cái Phật Đỉnh

SVĀHĀ: thành tựu mọi tướng của Như Lai

_ Thắng Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ŚAM JAYA-UṢṆĪṢA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

ŚAM: chủng tử biểu thị cho các Pháp vốn có Tính vắng lặng, tức là Đỉnh của Đại

Tịch

JAYA-UṢṆĪṢA (**Jayoṣṇīṣa**): Thắng Phật Đỉnh

SVĀHĀ: thành tựu **Đại Tịch** của Như Lai

_ Tối Thắng Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ŚISI VIJAYA-UṢṆĪṢA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

ŚISI: chủng tử biểu thị cho bông hoa của Pháp

VIJAYA-UṢŪNĪṢA (**Vijayoṣṇīṣa**): Tội Thắng Phật Đỉnh
SVĀHĀ: thành tựu Thân Thông thọ lượng bí mật của Như Lai

_Trừ Nghiệp Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HRŪM_ VIKIRAṆA PAMCA-UṢŪNĪṢA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
HRŪM: chúng tử biểu thị cho sức Vô Sở Úy Thân Thông của Như Lai, có năng lực dứt sạch các ô nhiễm của nghiệp khiến cho tất cả chúng sinh đều được an vui

VIKIRAṆA PAMCA-UṢŪNĪṢA (**Vikirāṇa-pamcoṣṇīṣa**): Hoại Tán Ngũ Nghiệp Đỉnh, tức là **Trừ Nghiệp Phật Đỉnh**

SVĀHĀ: thành tựu sức Thân Thông không có chỗ sợ hãi của Như Lai

_Hỏa Tụ Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ TRĪM_ TEJORĀŚI-UṢŪNĪṢA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
TRĪM: chúng tử biểu thị cho sự **Như Như** không có đơ bản, tức là Đỉnh Đỉnh Tuệ Quang Minh của Như Lai

TEJORĀŚI-UṢŪNĪṢA: Quang Tụ Phật Đỉnh, Hỏa Tụ Phật Đỉnh

SVĀHĀ: thành tựu ánh sáng Đỉnh Tuệ hay phá trừ ám chướng của Như Lai

_Phát Sinh Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ŚRŪM_ UṢŪNĪṢA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

ŚRŪM: chúng tử biểu thị cho sự thực chứng Tam Muội Cát Tường

UṢŪNĪṢA: Đỉnh Kế, Phật Đỉnh

SVĀHĀ: thành tựu Đức của **Phật Bộ** (Buddha-kula) tức là viên mãn con đường Giác Ngộ, đầy đủ Lý Trí

_Quảng Sinh Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ ṬRŪM_ UṢŪNĪṢA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

ṬRŪM: chúng tử biểu thị cho nghĩa **Tự Ngã phát sinh ra tất cả các Pháp xa lìa bụi dơ kiêu mạn**

UṢŪNĪṢA: Phật Đỉnh

SVĀHĀ: thành tựu Đức của **Liên Hoa Bộ** (Padma-kula) tức là Đại Tuệ Tam Muội của Như Lai hay làm cho rạn vỡ muôn điều lành

_Vô Lượng Âm Thanh Phật Đỉnh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM_ JAYA_ UṢŪNĪṢA_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HŪM_ JAYA: Khủng bố chiến thắng mọi Chướng Hoặc

UṢŪNĪṢA: Phật Đỉnh

SVĀHĀ: thành tựu Đức của **Kim Cương Bộ** (Vajra-kula) tức là sức tác dụng Trí Tuệ của Như Lai hay nghiền nát 3 Chướng (Hoặc, Nghiệp, Khổ) của tất cả chúng sinh

_ Vô Năng Thắng Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ HŪM DHRIM RIM JRIM_ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HŪM: chúng tử biểu thị cho tiếng sư tử rống phần nộ giáng phục các Ma ác

DHRIM: chúng tử biểu thị cho sự thiêu đốt trừ phục cấu chướng trong Pháp Giới

RIM: chúng tử biểu thị cho sự thấy biết thanh tịnh

JRIM: chúng tử biểu thị cho sự diệt trừ tất cả lỗi lầm lo ngại phát sinh tất cả Công

Đức

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

_ Tự Tại Thiên Ấn Chân Ngôn:

OM_ PARANIRMITA-RATIHYAḤ SVĀHĀ

OM: kính lễ

PARANIRMITA-RATIHYAḤ: Tha Hóa Biến Duyệt Đăng

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Phổ Hoa Thiên Tử Ấn Chân Ngôn:

OM_ MANO-RAMA-DHARMA SAMBHAVĀ_ KATHĀ KATHĀNA SAM SAM-ABHĀNE_ SVĀHĀ

OM: Nhiếp triệu

MANO-RAMA-DHARMA SAMBHAVĀ: sinh ra Pháp mà Ý yêu thích

KATHĀ KATHĀNA: nói năng dạy bảo

SAM SAM ABHANE: chân chính chứng ngộ được điều chưa thấy chưa hiện ra

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Quang Man Thiên Tử Ấn Chân Ngôn:

OM_ CHAṬĀYA-SYANNA_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

CHAṬĀYA-SYANNA: tuôn ra ánh sáng rực rỡ, tức vòng hoa ánh sáng. Đây là

Quang Man Thiên Tử

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Mãn Ý Thiên Tử Ấn Chân Ngôn;

OM_ HANA TOṢA_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

HANA TOṢA: vui vẻ chặt đứt Ý bất thiện

SVĀHĀ: thành tựu mọi mong cầu

_ Biến Âm Thanh Thiên Ấn Chân Ngôn:

OM_ ĀBHASVĀREBHYAḤ_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

ĀBHASVĀREBHYAḤ: Biến Âm Thanh Đăng, tức Biến Âm Thanh Thiên Tử

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Địa Thần Ấn Chân Ngôn:

OM_ PṚTHIVYAI_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

PṚTHIVYAI: Địa Thần

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Thỉnh Triệu Hỏa Thiên Ấn Chân Ngôn:

OM: nhiếp triệu

AGNAYE: Hỏa Thiên

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhất Thiết Chư Tiên Ấn Chân Ngôn:

.)**Phộc Tư Tiên** (Vasu Ṛṣī)

OM VASIṢṬA ṚṢIM SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

VASIṢṬA ṚṢIM: Tồi Hảo Tiên, An Trụ Tiên

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

.)**A Địch Lị Tiên** (Atreye Ṛṣī)

OM ATREYE MAHĀ-ṚṢIM SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

ATREYE MAHĀ-ṚṢIM: A Đê Lị Đại Tiên

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

.)**Nghiệt Lật Già Tiên** (Aṅgira Ṛṣī)

OM AṅGIRA MAHĀ-ṚṢIM SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

AṅGIRA MAHĀ-ṚṢIM: Cự Lực Đại Tiên

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

.)**Kiều Đáp Ma Tiên** (Gautama Ṛṣī)

OM GAUTAMA MAHĀ-ṚṢIM GARGHA SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

GAUTAMA MAHĀ-ṚṢIM GARGHA: vị Thánh nhân tên là Kiều Đáp Ma Đại

Tiên

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

.)**Vĩ Lý Cù Tiên** (Bhṛgu Ṛṣī):

OM BHRGU MAHĀ-ṚṢIM SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

BHRGU MAHĀ-ṚṢIM: Vĩ Lý Cù Đại Tiên

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Diễm Ma Phi Đạc Ấn Chân Ngôn:

OM YAMI SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

YAMI: Diễm Ma Phi

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Lỗ Đạt La Kích Ấn Chân Ngôn:

OM RAUDRĪ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

RAUDRĪ: Phần Nộ Thân Nữ

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Phạm Thiên Minh Phi Ấn Chân Ngôn:

OM_ BRAHMĪ_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

BRAHMĪ: Phạm Thiên Phi

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Kiều Mạt Ly Thước Đê Ấn Chân Ngôn:

OM_ KAUMĀRĪ_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

KAUMĀRĪ: Bất Nhiễm Thiên Đồng Nữ

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Na La Diên Hậu Luân Ấn Chân Ngôn:

OM_ VIṢṢNEVI_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

VIṢṢNEVI: Tỳ Nữ Thiên Nữ

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Giá Văn Trà Ấn Chân Ngôn:

OM_ CĀMUNḌĀYE_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

CĀMUNḌĀYE: Giá Văn Trà Thần

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Na La Diên Luân Ấn Chân Ngôn:

OM_ VIṢṢNUVE_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

VIṢṢNUVE: Tỳ Nữ Thiên

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Thương Yết La Tam Kích Ấn Chân Ngôn:

OM_ ŚAṂKARA_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

ŚAṂKARA: Tác Lạc Thần

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Thương Yết La Hậu Ấn Chân Ngôn:

OM_ ŚAṂKARĪYE_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

ŚAṂKARĪYE: Tác Lạc Thần Hậu, Tác Lạc Thần Phi

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Xá Gia Tỳ Xá Gia Ấn Chân Ngôn:

OM_ JAYA VIJAYA_ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

JAYA VIJAYA: Thắng Thần Nữ và Tối Thắng Thần Nữ

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhất Thiết A Tu La Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GARALAYAM SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
GARALAYAM: hàng hiệu rõ đặc tính của thuốc độc
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Càn Thất Bà Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VIŚUDDHA-SVARA VĀHINI SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
VIŚUDDHA-SVARA VĀHINI: thực hành âm thanh thanh tịnh
SVĀHĀ: thành tựu ngôn âm giải thoát của Như Lai

_Nhất Thiết Dược Xoa Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM YAKṢEŚVARA SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
YAKṢEŚVARA: Dững Kiện Tụ Tại, Dược Xoa Tụ Tại
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Chư Tỳ Xá Gia Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM PISĀCA GATI SVĀHĀ
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
PISĀCA GATI: Thú hướng của Tỳ Xá Gia là: “ở trong cõi sinh tử khổ não
nhưng luôn trụ vào Giải Thoát chẳng thể nghĩ bàn”
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhất Thiết Chấp Diệu Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
GRAHEŚVARYA PRĀPTA JYOTIRMAYA: trong Tính sáng tỏ mà đạt được
sự tự tại của **Chấp Diệu**
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhất Thiết Chư Tú Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM NAKṢATRA NIR-ĀDĀNIYE SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy mệnh khắp cả chư Phật
NAKṢATRA NIR-ĀDĀNIYE: không nhận lấy bất kỳ ách nạn khổ đau nào do
Tinh Tú gây ra
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

5 QUYỀN 5:

_Đại Chân Ngôn Vương:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM ASAMAPTA DHARMA-DHĀTU
GATI GATĀNĀM SARVATHĀ AM KHAM AM AH SAM SAH HAM**

**HAḤ RAM RAḤ VAM VAḤ SVĀHĀ HŪM RAM RAḤ HRA HAḤ
SVĀHĀ RAM RAḤ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
ASAMAPTA DHARMA-DHĀTU GATI-GATĀNĀM: Siêu việt Pháp Giới
không có cùng tận, tức khen ngợi các Đức Bí Mật thuộc **thân miệng** ý của Như Lai

SARVATHĀ: tổng nhiếp tất cả Pháp Môn

ĀM: biểu thị cho Kim Cương Luân

KHAM: biểu thị cho Hư Không Luân

AM: biểu thị cho Hỏa Luân

AḤ: biểu thị cho Phong Luân

SAM SAḤ HAM HAḤ RAM RAḤ VAM VAḤ SVĀHĀ: Quyết định
thành tựu sự thực chứng và điều dụng được mọi đặc tính của 4 Đại :**đất, gió, lửa,
nước** một cách tự tại

HŪM RAM RAḤ HRA HAḤ SVĀHĀ: Quyết định thành tựu Chân ngôn của
Thân và Ngữ

RAM RAḤ SVĀHĀ: quyết định thành tựu Chân Ngôn của Ý

_ Thế Tôn Bản Uy Đức Sinh Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM RAM RAḤ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

RAM RAḤ: Ánh sáng của **Nhất Thiết Trí Trí** (Sarva-jñā-jñāna) được sinh ra từ
Uy Đức lớn của Như Lai

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Thế Tôn Kim Cương Bất Hoại Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM VAM VAḤ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

VAM VAḤ: Trí Kim Cương bất hoại của Như Lai

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Liên Hoa Tạng Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SAM SAḤ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

SAM SAḤ: Tạng hoa sen vốn thanh tịnh chẳng nhiễm dơ của Như Lai

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Như Lai Vạn Đức Trang Nghiêm Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM HAM HAḤ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

HAM HAḤ: vật dụng trang nghiêm đầy đủ vạn Đức của Như Lai

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Như Lai Nhất Thiết Chi Phần Sinh Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AM AḤ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

AM AḤ: tất cả chi phần tối thắng được sinh ra từ Như Lai

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_ Thế Tôn Đà La Ni Ấn Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM BUDDHA-DHĀRAṆI SMṚTI
BALA DHĀNA KARI DHĀRAYA SARVAM BHAGAVATI ĀKĀRA-
VATI, SAMAYE SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật
BUDDHA-DHĀRAṆI SMṚTI BALA: sức nghĩ nhớ đến sự Tổng Trì của Đức
Phật

DHĀNA KARI: tạo làm nội dung

DHĀRAYA SARVAM: giữ gìn tất cả

BHAGAVATI ĀKĀRA-VATI: đầy đủ hình tướng của Đức Thế Tôn

SAMAYE SVĀHĀ: thành tựu Bản Nguyện của Đức Thế Tôn

Như Lai Pháp Trụ Ấn Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM Ā VEDA VIDE SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

Ā: hành, thực hành

VEDA: sự sáng suốt của Trí đã chứng

VIDE: sự sáng suốt hay dùng Ý ban cho người khác

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

Thế Tôn Tấn Tật Trì Ấn Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-YOGA YOGINI
YOGĒSVARI KHAMJARĪKE SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

MAHĀ-YOGA YOGINI: tương ứng với Đại Du Già của chư Phật, tức là sự
tương ứng với chư Phật

YOGĒSVARI: ở Du Già (sự tương ứng) mà được tự tại

KHAM JARĪKE: tạo làm sinh ra **Hư Không Trí**

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

6 QUYỂN 6:

Bách Quang Biến Chiêu Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM AM

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

AM: Đây là **Nhất Tụ Tâm Chân Ngôn** đứng đầu trong tất cả Chân Ngôn, tròn đủ
3 Pháp **Giáo, Lý Hạnh**. Hay sinh ra Trí phương tiện Phổ Môn của tất cả Như Lai

Gia Trì Cú Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVATHĀ ŚIM ŚIM TRAM
TRAM GUM GUM DHARAM DHARAM STHĀPAYA STHĀPAYA
BUDDHĀ-SATYA VĀ DHARMĀ-SATYA VĀ SAMGHĀ-SATYA VĀ
HŪM HŪM VEDA VIDE SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

SARVATHĀ: tổng nhiếp tất cả Pháp Môn

ŚIM ŚIM: thành tựu sự thù thắng sắc bén

TRAM TRAM: thành tựu sự cứu độ

GUM GUM: thành tựu sự tạo làm

DHARAM DHARAM: ta người đều giữ gìn

STHĀPAYA STHĀPAYA: ta người đều an trụ

BUDDHĀ-SATYA VĀ: như sức chân thật của Phật
DHARMĀ-SATYA VĀ: như sức chân thật của Pháp
SAMGHĀ-SATYA VĀ: như sức chân thật của Tăng
HŪM HŪM: ta người đều thành tựu sức Thần Thông tự tại của Như Lai
VEDA: sự sáng suốt của Trí đã chứng
VIDE: sự sáng suốt hay dùng ý ban cho người khác
SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

7 QUYỂN 7:

_ Tác Lễ phương tiện Chân Ngôn:

**OM_NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA KĀYA VĀK CITTA_PĀDA
VANDANĀM KARA-UMI**

OM_NAMAḤ SARVA-TATHĀGATA KĀYA VĀK CITTA: Quy mệnh kính
lễ **Thân miệng ý** của tất cả Như Lai

PĀDA VANDANĀM KARA-UMI: Nay con làm lễ dưới bàn chân của Đức Thế
Tôn

_ Xuất tội phương tiện Chân Ngôn:

OM_SARVA-PĀPA SPHAṬ DAHANA VAJRĀYA_SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

SARVA-PĀPA SPHAṬ DAHANA: tôi phá thiêu đốt tất cả tội lỗi

VAJRĀYA SVĀHĀ: thành tựu nơi Kim Cương

_ Quy Y phương tiện Chân Ngôn:

**OM_SARVA BUDDHA BODHI-SATVĀNĀM ŚARAṆĀM
GACCHĀMI_VAJRA-DHARMA_HRĪḤ**

OM: nhiếp triệu

SARVA-BUDDHA BODHI-SATVĀNĀM ŚARAṆĀM GACCHĀMI: Nay
con quy y tất cả Phật với các Bồ Tát

VAJRA-DHARMA: Kim Cương Pháp

HRĪḤ: chúng tử biểu thị cho sự mau chóng lia các bụi dơ tham, sân, si chứng
được 04 Đức thanh tịnh là: **Ái Nhiễm thanh tịnh** (Rāga viśuddha), **Sân thanh tịnh**
(Dveṣa viśuddha), **Uế thanh tịnh** (Mala viśuddha), **Tội thanh tịnh** (Pāpa viśuddha).

_ Thí Thân phương tiện Chân Ngôn:

**OM_SARVA TATHĀGATA-PŪJA PRAVARTANĀYA ATMĀNAM
NIRYĀTA YĀMI_SARVA TATHĀGATĀŚCA ADHITIṢṬITAM_SARVA
TATHĀGATA-JÑĀNA ME ĀVIŚATU**

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA-PŪJA PRAVARTANĀYA ATMĀNAM NIRYĀTA
YĀMI: Nay con phụng hiến thân mình triển chuyển cúng dường tất cả Như Lai

SARVA TATHĀGATĀŚCA ADHITIṢṬITAM: Tất cả hàng Như Lai gia trì

SARVA-TATHĀGATA-JÑĀNA ME ĀVIŚATU: Trí của tất cả Như Lai vào
khắp nơi con

_ Phát Bồ Đề Tâm phương tiện Chân Ngôn:

OM_BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI

OM: nhiếp triệu

BODHI-CITTAM UTPĀDA YĀMI: Nay con phát sinh Tâm Bồ Đề

_ Tùy Hỷ phương tiện Chân Ngôn:

**OM_ SARVA-TATHĀGATA-PUṆYA JÑĀNA ANUMUDANA _ PŪJA
MEGHA SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM**

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA-PUṆYA JÑĀNA ANUMUDANA: tùy hỷ với Phước Trí của tất cả Như Lai

PŪJA MEGHA SAMUDRA: biển mây cúng dường

SPHARAṆA SAMAYE: bình đẳng lan tràn khắp

HŪM: Công Đức căn lành mà con đã tu

*(Công Đức Căn lành mà con đã tu, xin tùy hỷ với Phước Trí của tất cả Như Lai.
Nguyện thành biển mây cúng dường bình đẳng lan tràn khắp cả Pháp Giới)*

_ Khuyến Thỉnh phương tiện Chân Ngôn:

**OM_ SARVA TATHĀGATA ADDHEṢAṆA PŪJA MEGHA SAMUDRA
SPHARAṆA SAMAYE HŪM**

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA ADDHEṢAṆA: khuyến thỉnh tất cả Như Lai

PŪJA MEGHA SAMUDRA: biển mây cúng dường

SPHARAṆA SAMAYE: bình đẳng lan tràn khắp

HŪM: Công Đức căn lành mà con đã tu

_ Phụng Thỉnh Pháp Thân phương tiện Chân Ngôn:

**OM_ SARVA-TATHĀGATA ADDHEṢA YĀMI_ SARVA SATVA HĪTA
ARTHĀYA_ DHARMA-DHĀTU STHITIR-BHAVATŪ**

OM: Nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA ADDHEṢA YĀMI: Nay con khuyến thỉnh tất cả Như Lai

SARVA-SATVA HĪTA ARTHĀYA: vì lợi ích cho tất cả chúng sinh

DHARMA-DHĀTU STHITIR-BHAVATU: được trụ trong Pháp Giới

_ Hồi Hướng phương tiện Chân Ngôn:

**OM_ SARVA TATHĀGATA NIRYĀTANA _PŪJA MEGHA
SAMUDRA SPHARAṆA SAMAYE HŪM**

OM: ba thân

SARVA TATHĀGATA NIRYĀTANA: phụng hiến tất cả Như Lai

PŪJA MEGHA SAMUDRA: biển mây cúng dường

SPHARAṆA SAMAYE: bình đẳng lan tràn khắp

HŪM: Công Đức căn lành mà con đã tu

_ Triệu Thỉnh phương tiện Chân Ngôn:

**NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ AḤ SARVATRA APRATIHATE_
TATHĀGATA-AMKUSĀ BODHI-CARYĀ PARIPŪRAKA_ SVĀHĀ**

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

AḤ: trừ bỏ các Chướng

SARVATRA APRATIHATE: tất cả nơi chốn không có trở ngại

TATHĀGATA-AMKUSĀ: Như Lai câu triệu

BODHI-CARYĀ PARIPŪRAKA: đầy đủ Hạnh Bồ Tát

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Giáng Phục Ma Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM MAHĀ-BALA VATI, DAŚA-BALA UDBHAVE, MAHĀ-MAITRIYA ABHYUDGATE SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

MAHĀ-BALA VATI: đầy đủ Đại Lực

DAŚA-BALA UDBHAVE: từ mười Lực sinh ra

MAHĀ-MAITRIYA ABHYUDGATE: từ Đại Từ hiện ra

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Nhất Thiết Bồ Tát Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SARVATHĀ VIMATI VIKIRANA DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA SAM SAM HĀ SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

SARVATHĀ: tổng nhiếp Pháp Môn

VIMATI VIKIRANA: trừ bỏ sự nghi ngờ

DHARMA-DHĀTU NIRJĀTA: theo Pháp Giới sinh ra

SAM SAM HĀ: chân chính thành tựu Nhân giải thoát

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

_Thí Thập Lực Minh:

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM OM BALIḤ DADE TEJE MĀLINI SVĀHĀ

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM: Quy Mệnh khắp cả chư Phật

OM: nhiếp triệu

BALIḤ DADE: bố thí thức ăn

TEJE-MĀLINI SVĀHĀ: thành tựu vòng hoa Uy Quang

_Thánh Bất Động Chân Ngôn:

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM TRĀṬ AMOGHA-CANḌA MAHĀ-ROṢAṆA SPHAṬYA HŪM TRABHĀYA TRABHĀYA HŪM TRĀṬ HĀM MĀM

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM: Quy mệnh khắp cả các Kim Cương

TRĀṬ: quát mắng phá Chướng

AMOGHA-CANḌA: Bất Không Bạo Ác

MAHĀ-ROṢAṆA: Đại Bạo Nộ

SPHAṬYA: phá hoại

HŪM: khủng bố

TRABHĀYA TRABHĀYA HŪM TRĀṬ: khủng bố phá hại 3 nơi đáng sợ

HĀM:chủng tử biểu thị cho sức tự tại, tự tại cầm sợi dây **Tứ Nhiếp**

MĀM: chủng tử biểu thị cho sự **Vô Ngã**, Nguyên của sức mạnh, cây kiếm Trí Tuệ cắt đứt phiền não

*)Ghi chú: những Chân Ngôn trùng nhau thì chỉ phiên dịch một lần

13/04/2016